

Số: 2115 /KH-SGTVT

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 12 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng CNTT trong hoạt động trong quản lý, điều hành phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của Sở giao thông vận tải Thừa Thiên Huế năm 2023**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

*Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;*

*Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;*

*Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;*

*Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 -2030;*

*Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;*

*Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính Nhà nước;*

*Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước;*

*Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 định hướng 2030;*

*Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;*

*Kế hoạch số 138-KH/TU ngày 20/02/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị*

quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế 2.0;

Kế hoạch hành động số 70/KH-UBND ngày 30/3/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 17/NQ-CP của Chính phủ;

Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt đề án “Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Quốc gia”;

Căn cứ Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Chương trình hành động số 120/CTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Sở Giao thông vận tải ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023.

## **II. MỤC TIÊU:**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp trên nền tảng chính quyền điện tử của tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đầu tư hiện đại hóa ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành ngành giao thông vận tải phù hợp với xu thế

chuyển đổi số của Chính phủ và xây dựng nền kinh tế số trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung vào lĩnh vực đường bộ nhằm mục tiêu bảo đảm thông suốt, an toàn, hiệu quả và bảo vệ môi trường cho tất cả các phương thức vận tải.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Công nghệ thông tin (CNTT) đảm bảo hiện đại, đồng bộ, tập trung phát triển nguồn nhân lực CNTT, nâng cao kỹ năng ứng dụng và phát triển CNTT cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan. Duy trì tốt chỉ số cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của Sở.

- Các nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin phải thực hiện nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là thước đo hiệu quả; bảo đảm gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính; thay đổi lề lối, cách thức làm việc từ môi trường truyền thống sang sử dụng các ứng dụng trực tuyến.

- Chủ động xây dựng, hoàn thiện và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số của đơn vị với mục tiêu “4 không” (Làm việc không giấy tờ; Hội họp không tập trung; Dịch vụ công không gặp mặt; Thanh toán không tiền mặt) và “một có”( Dữ liệu có chuyển đổi số)

## **2. Mục tiêu cụ thể Chuyển đổi số năm 2023**

- 100% tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các CQNN dưới dạng điện tử có chữ ký số liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (Ngoại trừ các văn bản Mật theo quy định).

- 100% tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử Cổng Quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

- 100% tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) sử dụng chữ ký số trả kết quả được thực hiện trên TTHC.

- 100% lịch họp được đăng ký và phát hành giấy mời qua mạng;

- 100% xử lý trên hệ thống quản lý công tác tiếp dân và xử lý đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh;

- 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 60% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI.

- 100% tỷ lệ phần mềm quản lý văn bản và điều hành các cấp được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử.

- 100% các giải pháp nâng cao nhận thức số theo kế hoạch được triển khai.

- 100% các văn bản đảm bảo thể chế số được ban hành.

- 100% mạng, máy tính trong cơ quan nhà nước được triển khai tuân thủ theo quy định của tỉnh.
- Tối thiểu 1 tháng có 1 bản tin truyền thông về chuyển đổi số.
- 100% cán bộ công chức, viên chức có sử dụng điện thoại thông minh
- 50 % Công chức, viên chức sử dụng hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.
- Tỷ lệ 100% công chức, viên chức được tham gia các chương trình tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng số.
- Tỷ lệ 100% máy tính trong cơ quan được cài đặt giải pháp phòng, chống virus tập trung của tỉnh.
- Tỷ lệ 100% các hệ thống thông tin được đánh giá cấp độ an toàn thông tin và triển khai theo giải pháp dùng chung của tỉnh.
- Tỷ lệ 50% dữ liệu chuyên ngành được số hóa trên nền tảng số hóa dùng chung của tỉnh
- 100% cơ quan vận hành các nền tảng số phục vụ xây dựng chính quyền số theo định hướng của tỉnh.
- Tối thiểu 2 báo cáo số về chuyên ngành (đối với cấp sở) quản lý hạ tầng hoặc kinh tế – xã hội đối với các địa phương.
- Tỷ lệ 100% dịch vụ công mức độ 4 (toàn trình) được công bố.
- Tỷ lệ 100% thủ tục hành chính có biểu mẫu điện tử.
- Tỷ lệ 20 % hồ sơ trực tuyến phát sinh.
- 100% xử lý thủ tục trực tuyến được thực hiện trên môi trường mạng.
- Tỷ lệ 100% công chức, viên chức có cài đặt Hue-S
- Tỷ lệ 100% công chức, viên chức tạo lập tài khoản định danh điện tử
- Tỷ lệ 100% công chức, viên chức được kích hoạt tài khoản thanh toán số (thiếu là ví điện tử trên Hue-S).

### **III. NỘI DUNG, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

*(Theo bản phân công nhiệm vụ chi tiết các phòng chuyên môn tham mưu thực hiện tại phụ lục kèm theo)*

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Văn phòng Sở**

Tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch. Theo dõi việc triển khai, liên kết đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc chuyển đổi số, đánh giá hoạt động trong cơ quan đơn vị và kịp thời báo cáo lãnh đạo Sở.

#### **2. Phòng Kế hoạch – Tài chính – Thẩm định**

Phối hợp với Văn phòng Sở trong việc đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong việc chuyển đổi số.

### 3. Các đơn vị và Phòng chuyên môn thuộc Sở

Phối hợp Văn phòng Sở để cụ thể hóa các nội dung kế hoạch cần thực hiện và tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả nội dung đã phân công nhiệm vụ./.

***Nơi nhận:***

- Sở TT&TT (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng ban, đơn vị Sở;
- Lưu VT, IT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Anh Tuấn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2023**  
*(Đính kèm kế hoạch 2115 /KH-SGTVT ngày 05 / 12 /2022 Sở Giao thông Vận tải)*

STT	Nội dung công việc	Phân công thực hiện chính	Đơn vị phối hợp	Chỉ tiêu
<b>I</b>	<b>Nhận thức số</b>			
1	Rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số	Văn Phòng Sở ( CNTT )	Các phòng chuyên môn Sở	- Giám đốc, Chủ tịch, người đứng đầu đơn vị làm Trưởng Ban chỉ đạo
2	Định kỳ tổ chức các cuộc họp Ban chỉ đạo chuyển đổi số	Ban chỉ đạo chuyển đổi số	Các phòng chuyên môn Sở	- Tối thiểu 4 cuộc /năm (theo quý) - Trực tiếp Trưởng Ban chỉ đạo chủ trì cuộc họp
3	Triển khai các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số	Ban chỉ đạo chuyển đổi số Sở GTVT	Sở Thông tin và Truyền thông định hướng theo định kỳ	- Tối thiểu 4 văn bản chỉ đạo theo chuyên đề (Số hóa, Chính quyền số, Kinh tế số) - Do trực tiếp Trưởng Ban chỉ đạo ký
4	Tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh.	Lãnh đạo Sở	Theo giấy mời của UBND tỉnh, UBND huyện	- Tham gia đầy đủ số lượng cuộc họp - Trưởng Ban chỉ đạo các đơn vị trực tiếp dự họp
5	Cung cấp tin tức hoạt động chuyển đổi số của sở lên Cổng chuyển đổi số	Văn Phòng Sở ( CNTT )	Cổng Chuyển đổi số vận hành chính thức vào Quý 1/2023. Sở TT&TT sẽ có hướng dẫn	- Tối thiểu 1 tháng có một bản tin - Cung cấp trên nền tảng số dùng chung của Tỉnh
6	Tổ chức truyền thông trên hệ thống phát thanh cơ sở	Văn Phòng Sở ( CNTT )	Có thể áp dụng hình thức phát lại hoặc sử dụng bản tin cấp tỉnh	- Có chuyên mục chuyển đổi số - Tối thiểu 1 tuần 1 bản tin

STT	Nội dung công việc	Phân công thực hiện chính	Đơn vị phối hợp	Chỉ tiêu
<b>II</b>	<b>Thế chế số</b>			
1	Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm	Văn phòng Sở	Phòng chuyên môn	- Ban hành kế hoạch Chuyển đổi số hằng năm - Đảm bảo nội dung theo hướng dẫn
2	Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ về kiến trúc chính quyền điện tử, chính quyền số	Lãnh đạo Sở Phòng chuyên môn	Phòng chuyên môn	- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức. - Có chứng nhận hoàn thành khóa học
3	Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Lãnh đạo Sở Văn phòng Sở	Phòng KH-TC-TĐ	- Có văn bản định kỳ nhắc nhở - Văn bản tập trung nhắc nhở vào các chỉ tiêu theo kế hoạch năm không, chưa đạt
4	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ công trực tuyến	Văn phòng Sở	Phòng chuyên môn	- Quyết định có ký số tại thời điểm ban hành - Rõ và cụ thể các chính sách, biện pháp khuyến khích
5	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số	Lãnh đạo Sở	Phòng chuyên môn	- Quyết định có ký số tại thời điểm ban hành - Bám sát các chương trình quốc gia, tỉnh
<b>III</b>	<b>Hạ tầng số</b>			
1	Triển khai mạng số liệu chuyên dùng (CPNET)	Văn phòng Sở	Theo văn bản hướng dẫn số 404 /STTTT-CNTT ngày 24/4/2018 Sở TT&TT	100% cơ quan đơn vị kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng - Có hợp đồng triển khai
2	Tỷ lệ các hệ thống thông tin chuyên ngành có sử dụng nền tảng LGSP của tỉnh	Phòng chuyên môn	Sở Thông tin và Truyền thông kiểm chứng	Báo cáo danh sách hiện tại và danh sách đã kết nối dữ liệu dùng chung của tỉnh qua nền tảng liên thông (LGSP)

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Phân công thực hiện chính</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
	Triển khai lưu trữ tài liệu phục vụ cho hoạt động công vụ trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Cloud)	Văn phòng Sở	Sở TT&TT sẽ hướng dẫn triển khai và kiểm chứng số liệu hoạt động	Tài liệu được lưu trữ trực tuyến trên nền tảng của tỉnh
	Tổ chức triển khai nền tảng họp trực tuyến	Văn phòng Sở		Xây dựng phòng họp trực tuyến tại các Sở, ngành, địa phương
	Tỷ lệ công chức, viên chức trong đơn vị có sử dụng thiết bị di động thông minh	Phòng chuyên môn		- Mục tiêu đạt 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị có sử dụng
<b>IV</b>	<b>Nhân lực số</b>			
<b>1</b>	Bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số và an toàn thông tin	Văn phòng Sở	Phòng chuyên môn	Quyết định cử chuyên trách, kiêm nhiệm có ký số vào thời điểm ban hành quyết định (Cấp Sở)
<b>2</b>	Tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng chuyên đổi số cho công chức, viên chức	Văn phòng Sở	Phòng chuyên môn	- Chủ động hoặc mời chuyên gia tổ chức tập huấn - Đảm bảo 100% công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng trực tuyến qua nền tảng Quốc gia thông qua Hue-S
<b>V</b>	<b>An toàn thông tin</b>			
<b>1</b>	Số lượng máy tính được cài đặt giải pháp phòng chống virus tập trung	Văn phòng Sở	Theo hướng dẫn của Trung tâm Giám sát, điều hành ĐTTM	- Triển khai phần mềm BKAV Endpoint của tỉnh - 100% máy tính để bàn
<b>2</b>	Số lượng máy tính được cài đặt giải pháp phát hiện, chống tấn công có chủ đích tập trung	Văn phòng Sở	Theo hướng dẫn của Trung tâm Giám sát, điều hành ĐTTM	- Triển khai phần mềm VIETTEL Endpoint của tỉnh - 100% máy tính để bàn



STT	Nội dung công việc	Phân công thực hiện chính	Đơn vị phối hợp	Chỉ tiêu
3	Đăng ký hồ sơ đề xuất cấp độ bảo vệ an toàn thông tin	Văn phòng Sở	Theo hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông	100% hệ thống thông tin chuyên ngành phải đăng ký
4	Không vi phạm chính sách an toàn thông tin của tỉnh	Văn phòng Sở	Theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông	Không cấm kết nối bất cứ thiết bị ngoại vi, phát Wifi từ hệ thống mạng WAN của tỉnh.
<b>VI</b>	<b>Hoạt động chính quyền số</b>			
1	Số hóa dữ liệu chuyên ngành	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	Theo hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông	Đăng ký và triển khai tối thiểu 50% dữ liệu chuyên ngành được số hóa theo chuẩn từ hệ thống số hóa dùng chung của tỉnh
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được điền sẵn thông tin	Phòng chuyên môn	Phối hợp Sở TT&TT để được hướng dẫn thực hiện	Đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến có mẫu đơn điện tử
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (Toàn trình)	Phòng chuyên môn	Văn bản đăng ký công bố	Đảm bảo 100% dịch vụ công đảm bảo mức độ 4 (toàn trình) được công bố
4	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công mức độ 4 của người dân, doanh nghiệp	Phòng chuyên môn		- Tối thiểu 50% đối với cấp Sở - Tối thiểu 30% đối với cấp huyện - Tối thiểu 15% đối với cấp xã
5	Tỷ lệ xử lý hồ sơ dịch vụ công trên môi trường mạng	Phòng chuyên môn	Trong trường hợp phải sử dụng giấy thì phải số hóa bổ sung theo quy trình	Đảm bảo 100% việc xử lý hồ sơ dịch vụ công được số hóa và trên môi trường mạng
6	Số lượng cuộc họp trực tuyến	Văn phòng Sở	Theo thực tiễn của đơn vị, địa phương	Tối thiểu 1 tháng tổ chức 1 cuộc họp trực tuyến

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Phân công thực hiện chính</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
<b>7</b>	Báo cáo số	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông để được hỗ trợ	Tối thiểu 1 báo cáo về tình hình kinh tế xã hội liên quan đến quản lý ngành, địa phương trên nền tảng dùng chung của tỉnh
<b>8</b>	Triển khai nền tảng số phục vụ phát triển Chính quyền số	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	Quý 1/2023 Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thống nhất toàn tỉnh	- Triển khai nền tảng số thống nhất theo quy định bao gồm các chức năng: nền tảng làm việc số thống nhất toàn tỉnh, giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước, phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung.
<b>9</b>	Triển khai nền tảng trí tuệ nhân tạo (Trợ lý ảo)	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	Quý 2/2023 Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thống nhất toàn tỉnh	- Triển khai nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức - Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp
<b>10</b>	Triển khai kho dữ liệu dùng chung trên cổng dữ liệu mở tỉnh	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	Trung tâm CNTT tỉnh	Cập nhập đầy đủ dữ liệu ngành, địa phương lên cổng dữ liệu mở tỉnh theo Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND
<b>VII</b>	<b>Hoạt động Kinh tế số</b>			
<b>1</b>	Tỷ lệ công chức, viên chức có sử dụng ví điện tử Hue-S để thanh toán.	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	Sở Thông tin và Truyền thông	- Một số dịch vụ cơ bản: Điện, nước, viễn thông, học phí, dịch vụ công. - Khuyến khích mua sắm trực tuyến
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động Xã hội số</b>			

STT	Nội dung công việc	Phân công thực hiện chính	Đơn vị phối hợp	Chỉ tiêu
1	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo thực hiện đúng quy định về phản ánh hiện trường trên Hue-S.</li> <li>- Tăng tỷ lệ người dân tham gia vào phản ánh hiện trường</li> </ul>	
<b>IX</b>	<b>Dịch vụ đô thị thông minh</b>			
1	Cung cấp dịch vụ đô thị thông minh	Văn phòng Sở Phòng chuyên môn	Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông để được hỗ trợ tích hợp lên Hue-S người dân	Các Sở cung cấp ít nhất một dịch vụ do ngành quản lý có tính tương tác với doanh nghiệp người dân cao

## SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI